gǔ shī èr shǒu

7. 古诗二首

Lesson 7 Two Ancient Poems

xīng qī yī
星期一
Monday

xiě yi xiě
1. 写一写 (Learn to write.)

诗						
首						
静						
床						
疑						
举						

dú yi dú
2. 读一读 (Read aloud.)

一首古老的诗　一个文静的孩子
举头望明月，低头思故乡。
白日依山尽，黄河入海流。

LIVEWORKSHEETS

gǎi cuò bié zì

3. 改错别字 (Find out and correct the wrong characters.)

(1) 厌前明月光。 (　　)

(2) 疑是地上霜。 (　　)

(3) 举头望明月。 (　　) (　　)

(4) 低头思故乡。 (　　) (　　)

(5) 更上一层楼。 (　　) (　　)

shǔ bǐ huà　tián kòng

4. 数笔画，填空 (Count the strokes and fill in the blanks.)

(1) “诗”一共有____画

(2) “静”一共有____画

(3) “低”一共有____画

(4) “楼”一共有____画

(5) “首”一共有____画

(6) “床”一共有____画

zhào lì　zi lián yi lián　　zǔ cí yǔ

5. 照例子连一连，组词语 (Link and form phrases after the model.)

睡	古	故	望	举	楼	自
诗	月	觉	房	乡	己	手
古诗	____	____	____	____	____	____

LIVEWORKSHEETS

dú kè wén tiánkòng

6. 读课文，填空 (Fill in the blanks according to the text.)

静夜思	登鹳雀楼
床____明月____，	白日依_____尽，
_____是地上霜。	_____入____流。
____头____明月，	欲穷_____目，
____头_____。	_____。

xuǎn chū xià liè jù zhōng jiā diǎn zì de zhèng què jiě shì zài li dǎ

7. 选出下列句中加点字的正确解释，在（ ）里打“√” (Mark the right explanations of dotted characters with “√”.)

(1) 疑是地上霜

A. 不觉得（ ） B. 以为（ ） C. 不知道（ ）

(2) 举头望明月

A. 看（ ） B. 月亮（ ） C. 问（ ）

(3) 低头思故乡

A. 思考（ ） B. 思念（ ） C. 想法（ ）

(4) 白日依山尽

A. 白天（ ） B. 一天（ ） C. 太阳（ ）

(5) 更上一层楼

A. 上面（ ） B. 上边（ ） C. 上去（ ）

bǎ kè wén dú gěi bà ba mā ma tīng ràng tā men píng ping fēn

8. 把课文读给爸爸妈妈听，让他们评评分

(Read the text aloud to your parents and ask them to grade your performance.)

评 分	家长签名

LIVEWORKSHEETS